

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 66/2021/HS-ST
Ngày 02-7-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đức Dũng và bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2021/TLST-HS ngày 03/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HS ngày 15/6/2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Hoàng Hải T, sinh năm: 1995; tại: Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú và cư trú: tổ B, ấp N 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Duy N, sinh năm: 1965 (đã chết) và bà Bạch Thị Thu V, sinh năm: 1968; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; có chồng tên Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1988, có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền sự: không. Tiền án: có 01 tiền án - ngày 28/02/2019 bị TAND huyện TB, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (bản án số 28/2019/HS-ST). Ngày 19/3/2021 bị Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1988; tại: Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: tổ B, ấp N 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Anh M, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm: 1968; gia đình có 05 anh, em, bị cáo thứ hai; có vợ tên Trần Hoàng Hải T (cùng là bị cáo trong vụ án này), có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không. Về nhân thân: ngày 08/9/2011 bị TAND huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 98/2011/HSST); đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/4/2012. Ngày 19/3/2021 bị Cơ quan cảnh sát

điều tra khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

Bị hại: cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày: 28/02/2007, địa chỉ: ấp C, xã N, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Ngọc A: bà Phạm Thị H, sinh năm: 1951 – là bà nội của cháu A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Phạm Thị H, sinh năm: 1951, địa chỉ: ấp C, xã N, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Cháu Nguyễn Ngọc A và bà Phạm Thị H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo Nguyễn Thanh L đã bàn bạc với vợ là bị cáo Trần Hoàng Hải T sẽ đi đến các nhà thờ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Thực hiện ý định này, sáng ngày 10/01/2021 L sử dụng xe mô tô hiệu Attila biển số: 60B3-408.90 chở T cùng 03 người con nhỏ đi đến khu vực nhà thờ D thuộc ấp D, xã N, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, L dừng xe để cho T đi vào trong nhà thờ tìm tài sản trộm cắp, còn L chở 03 con nhỏ đi lòng vòng ngoài đường chờ khi nào T trộm được tài sản thì sẽ thông báo gặp nhau. T đi bộ vào khu vực nhà để xe nhà thờ D thì thấy 01 xe đạp điện nhãn hiệu Samurai, màu đỏ đen, số khung: 6510, số máy 6656 của cháu Nguyễn Ngọc A đang dựng bên cạnh các xe mô tô, xe đạp điện khác nên đi đến dắt xe ra khỏi nhà xe đi qua cổng phụ của nhà thờ tẩu thoát; sau khi lấy được xe T gọi điện thoại báo cho L biết và hẹn gặp nhau tại khu vực ngã ba Tân Phong thuộc thành phố LK. Sau khi gặp nhau, T cùng L đem xe đạp điện đến gửi vào nhà gửi xe Bệnh viện đa khoa khu vực LK rồi quay trở lại nhà thờ D để thăm dò tình hình. Đến ngày 11/01/2021, L chở T đi đến Bệnh viện đa khoa khu vực LK lấy xe; sau đó T đem xe bán cho 01 cửa hàng tại chợ Bà Chiêu, Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể) được 3.700.000 đồng và cả 2 tiêu xài hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 01/02/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CM kết luận: 01 xe đạp điện nhãn hiệu Samurai màu đỏ, số khung: 6510, số máy 6656, mua tháng 9/2020 có giá trị là 11.700.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 xe mô tô màu đỏ, hiệu Attila, BKS: 60B3-408.90; 01 áo jean dài tay màu xanh; 01 áo khoác dài tay màu đỏ, loại có mũ; 01 quần jean dài màu xanh; 01 quần vải dài màu đen thu giữ của các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại và người đại diện bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo L và T đã bồi thường được 5.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng chưa bồi thường.

Bản cáo trạng số: 61/CT-VKSCM ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện CM, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Nguyễn

Thanh L và Trần Hoàng Hải T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện CM, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh L và Trần Hoàng Hải T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 của BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo T với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo bị cáo L với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Đề nghị không xử phạt bổ sung các bị cáo. Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS): tịch thu sung công chiếc xe Attila màu đỏ và tịch thu tiêu hủy 01 áo jean dài tay màu xanh, 01 áo khoác dài tay màu đỏ loại có mũ, 01 quần jean dài màu xanh và 01 quần vải dài màu đen thu giữ của các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của BLHS đề nghị buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng.

Ý kiến của bị hại (cháu A) và đại diện hợp pháp của bị hại (bà H): khoảng 07 giờ 00 sáng chủ nhật ngày 10/01/2021 cháu A dùng xe đạp điện hiệu Samurai, màu đỏ đen đến nhà thờ D dự lễ; sau đó chiếc xe đạp điện đã bị các bị cáo lấy trộm; hiện tại không thu hồi được, nên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị mất là 10.000.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường được 5.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường. Về phần hình phạt: do hoàn cảnh các bị cáo khó khăn và đang nuôi 03 con còn nhỏ nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ một phần cho các bị cáo có thể chăm sóc con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, HĐXX nhận thấy: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của BLTTHS; đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố; quá trình điều tra bị cáo và những người tham gia tố tụng không ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thanh L và Trần Hoàng Hải T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, với các lời khai, bản cung của chính các bị cáo đã được thu thập trong hồ sơ (BL 96 ->103, 118 -> 128, 177 và 178), phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác (như biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, dữ liệu điện tử,...) đã được thu thập trong quá trình điều tra

có trong hồ sơ vụ án. Qua đó xác định được: để có tiền tiêu xài và trả nợ, các bị cáo L và T đã bàn bạc với nhau sẽ đến các nhà thờ dự lễ và lấy trộm xe đạp điện; khoảng 07 giờ 00 ngày 10/01/2021 các bị cáo đã vào nhà thờ D thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 xe đạp điện nhãn hiệu Samurai màu đỏ, số khung: 6510, số máy 6656 của cháu Nguyễn Ngọc A mua vào tháng 9 năm 2020. Giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt theo kết quả định giá tài sản là 11.700.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Do đó, Cáo trạng số 61/CT-VKSCM ngày 31/5/2021 của VKSND huyện CM truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh L và Trần Hoàng Hải T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm “Trộm cắp tài sản” có tính chất đơn giản do các bị cáo Nguyễn Thanh L và Trần Hoàng Hải T cùng thực hiện, trong đó bị cáo L là người khởi xướng và đưa ra ý định trộm cắp tài sản; các bị cáo là vợ chồng nên trước khi thực hiện tội phạm đã có sự bàn bạc và phân công bị cáo T sẽ trực tiếp đi vào các nhà thờ tìm tài sản là xe đạp điện để thực hiện hành vi trộm cắp, còn bị cáo L có trách nhiệm trông coi con cái để bị cáo T không vướng bận khi thực hiện tội phạm; vai trò của các bị cáo là ngang nhau nên phải chịu mức hình phạt tương ứng bằng nhau. Các bị cáo đều đã trưởng thành, có sức khỏe, chỉ vì thích hưởng thụ, muốn có tiền tiêu xài không phải qua lao động chân chính mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Cả 02 bị cáo trước đây đã từng bị xét xử và kết án về tội trộm cắp tài sản, trong đó: bị cáo T chưa được xóa án tích, còn bị cáo L đã đủ điều kiện đương nhiên xóa án tích. Qua đó cho thấy các bị cáo chưa thật sự hối cải về hành vi của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Do đó, cần có mức án nghiêm đối với các bị cáo nhằm trừng trị, cải tạo các bị cáo thành người tốt; bên cạnh đó cũng phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo L không có tình tiết tăng nặng; riêng bị cáo T phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo có chung 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, đó là: người phạm tội đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại (điểm b); người phạm tội thành khẩn khai báo (điểm s). Ngoài ra, các bị cáo là vợ chồng, hiện nay đang phải nuôi 03 con còn nhỏ, trong đó cháu nhỏ nhất dưới 3 tuổi; hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn; tại phiên tòa, cháu A và bà H có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo.

[6] Từ những phân tích về tính chất, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội, vai trò cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, xét thấy cần có mức hình phạt tù nghiêm đủ để trừng trị, cải tạo các bị cáo thành người tốt và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ,

có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, có thể tạo điều kiện cho bị cáo có thể chăm sóc 03 con nhỏ nên HĐXX áp dụng Điều 65 của BLHS đối với bị cáo L.

[7] Về hình phạt bổ sung: hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, đang phải nuôi 03 con nhỏ nên không phạt bổ sung các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 5.000.000 đồng còn lại; các bị cáo đồng ý sẽ bồi thường tiếp cho bị hại 5.000.000 đồng nên HĐXX ghi nhận, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo bồi thường 2.500.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Đối với 01 xe mô tô màu đỏ, hiệu Attila, BKS: 60B3-408.90 thu giữ của các bị cáo nhận thấy: quá trình xác minh, trung cầu giám định đã xác định được nguồn gốc xe là do các bị cáo mua lại hợp pháp, các bị cáo đã sử dụng chiếc xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công.

- Đối với 01 áo jean dài tay màu xanh, 01 áo khoác dài tay màu đỏ, loại có mũ, 01 quần jean dài màu xanh và 01 quần vải dài màu đen thu giữ của các bị cáo, nhận thấy: đây là trang phục mà các bị cáo đã mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, các bị cáo xác định những tài sản này không còn giá trị sử dụng và từ chối nhận lại nên HĐXX quyết định tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh L và Trần Hoàng Hải T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Trần Hoàng Hải T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thanh L 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/7/2021).

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; các điều 288, 290, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh L và Trần Hoàng Hải T phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho cháu Nguyễn Ngọc A (do bà Phạm Thị H làm đại diện) số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng, chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS;

Tịch thu sung công 01 xe mô tô màu đỏ, hiệu Attila, BKS: 60B3-408.90 thu giữ của các bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo jean dài tay màu xanh, 01 áo khoác dài tay màu đỏ, loại có mũ, 01 quần jean dài màu xanh và 01 quần vải dài màu đen thu giữ của các bị cáo.

(Toàn bộ vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/6/2021)

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L và Trần Hoàng Hải T, mỗi bị cáo phải nộp: 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, cháu A và bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu HS, AV (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Thế Nam